

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 89/2020/HS-ST
Ngày: 12/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng;
2. Bà Nguyễn Thị Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
ông Đặng Văn Quý- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Hữu D (Tí); sinh ngày: 20/8/1972; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: số phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số 30 đường 8, khu phố 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn D và bà: Hồ Thị Th; có vợ 01 con sinh năm: 2003; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại.

Bị hại: Ông Lê Đình T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa: ông Huỳnh Thiên Sơn – Luật sư văn phòng luật sư Huỳnh Sơn – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn D, sinh năm 1940. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

- 1/ Ông Trần Hữu Dinh, sinh năm 1967 (có mặt)
- 2/ Ông Trần Ngọc Diệp, sinh năm 1977 (có mặt)
- 3/ Ông Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1980 (vắng mặt)
- 4/ Ông Nguyễn Văn Thông, sinh năm 1973 (vắng mặt)
- 5/ Ông Phạm Đăng Khoa, sinh năm 1976 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Ngày 29/3/2019 ông Trần Văn D cho ông Lê Đình T thuê 01 phần mặt bằng tại địa chỉ số phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 7.000.000 đồng/tháng (thời hạn hợp đồng thuê là 05 năm), để làm cơ sở dịch vụ mai táng, đến ngày 28/4/2019, ông T đem các đồ vật phục vụ mai táng gồm: nền phục sinh, vải ren trắng và các cuộn vải màu vàng, màu đỏ, đèn cây số 4 và đèn cây số 5 bằng ly thủy tinh, đèn cây số 40 bằng ly thủy tinh, decal hình chúa và một số vật dụng thờ cúng để ở bên trong căn nhà mà ông thuê của ông D.

Khoảng 09 giờ ngày 29/4/2019 Trần Hữu D là con ruột của ông D, đi từ nhà vợ số khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thấp nhang cho mẹ ruột là bà Hồ Thị Th. D vào nhà nhìn thấy một số người thợ hồ đang sửa chữa lát gạch nền nhà, D hỏi ai thuê sửa chữa thì những người thợ hồ không trả lời. Lúc này, D nhìn thấy trong nhà có nhiều đồ vật để mai táng nên quay ra tiếp tục hỏi những người thợ hồ nhưng không ai trả lời, nên D cầm các đồ vật phục vụ mai táng trong nhà ném hết ra phía trước nhà gây bể nát, rách, bám bụi không sử dụng lại được. Ông D và ông Trần Hữu Dinh là anh trai của D cùng một số người can ngăn, D không nghe còn đe dọa, nên ông D báo Công an phường Linh Xuân. Công an phường Linh Xuân đưa D về trụ sở làm việc và phối hợp với Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an quận Thủ Đức, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tổ chức khám nghiệm hiện trường xác định đồ vật mai táng mà D vứt ra ngoài làm hư hỏng không sử dụng được gồm: 07 cây nền phục sinh bị bể, gãy; 01 bịch vải ren trắng bị bám bụi; 01 cuộn vải vàng bị bám bụi và rách; 01 cuộn vải đỏ bị bám bụi và rách; 01 bài vị gỗ bị gãy; 28 cây đèn cây số 4 bằng ly thủy tinh bị bể; 30 cây đèn cây số 5 bằng ly thủy tinh bị bể; 12 cây đèn cây số 40 bằng ly thủy tinh bị bể; 02 decal hình chúa bị bám bụi.

Kết luận định giá tài sản số 1412/CVHĐĐGTSTTHS ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận tổng tài sản thiệt hại là 6.414.000 đồng.

Vật chứng: 07 cây nền phục sinh bị bể, gãy; 01 bịch vải ren trắng bị bám bụi; 01 cuộn vải vàng bị bám bụi và rách; 01 cuộn vải đỏ bị bám bụi và rách; 01 bài vị gỗ bị gãy; 28 cây đèn cây số 4 bằng ly thủy tinh bị bể; 30 cây đèn cây số 5 bằng ly thủy tinh bị bể; 12 cây đèn cây số 40 bằng ly thủy tinh bị bể; 02 decal hình chúa bị bám bụi (tất cả hư hỏng đều không sử dụng lại được) đã trả cho bị hại (BL 109).

Về phần dân sự: bị hại đã nhận 8.000.000 đồng tiền đền bù thiệt hại tài sản do gia đình bị cáo D bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

[2] Bản Cáo trạng số 349/CT-VKSTĐ ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Trần Hữu D về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Hữu D phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Phần dân sự và vật chứng đã xử lý xong.

Người bào chữa: Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã trả hồ sơ điều tra bổ sung khắc phục phần lớn các vi phạm tố tụng, và đã có đình chỉ, tuy nhiên vẫn còn một số vi phạm tố tụng như không thay đổi điều tra viên khi có khiếu nại của bị cáo, về việc Điều tra viên mớm cung, dụ cung đối với bị cáo là chưa khách quan, và các biên bản thu thập tài liệu chứng cứ sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, vẫn còn sai sót trong việc sử dụng mẫu khi lập biên bản kiểm tra camera; ngoài ra lời khai của bị hại và người làm chứng đều không xác định được việc bị gạch xóa, tẩy xóa xảy ra thời điểm nào; vật chứng vụ án xử lý không đúng quy định, không còn để đối chất, kiểm tra lại tài sản hư hỏng để củng cố vững chắc hồ sơ hơn. Giá trị định giá tài sản hư hỏng cao hơn giá thực tế tại các cơ sở mai táng khác mà phía bị cáo thu thập được. Tuy nhiên bị cáo thừa nhận có hành vi sai trái làm hư hỏng tài sản của anh Tú nhưng tài sản chưa đủ định lượng để kết luận bị cáo có tội, do đó đề nghị Hội đồng xem xét để tuyên bị cáo không có tội.

Bị cáo có ý kiến tranh luận, bào chữa: thống nhất với ý kiến tranh luận và bào chữa của người bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xác định bị cáo có lỗi gây thiệt hại tài sản của bị hại nhưng tài sản không thiệt hại nhiều như kết luận định giá. Việc cán bộ điều tra và điều tra viên tẩy xóa trong biên bản ngày 08/5/2019 là không khách quan do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên tại các phiên tòa bị cáo nhiều lần cho rằng bị cán bộ điều tra, điều tra viên yêu cầu bị cáo khai không đúng sự thật, mớm cung, và có tẩy

xóa tại biên bản kiểm tra lúc 15 giờ ngày 08/5/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại biên bản này ngoài cán bộ điều tra Công an quận Thủ Đức là người lập biên bản còn có bị cáo, bị hại, đại diện công an phường và bảo vệ dân phố. Biên bản được lập và ghi đúng tình trạng tài sản trong lúc kiểm tra, tài sản nào hư hỏng ghi rõ, tài sản nào còn nguyên vẹn không hư hỏng cũng được nêu rõ, hơn nữa sau khi Tòa án nhân dân quận Thủ Đức trả hồ sơ để điều tra bổ sung và thu thập lời khai, đối chất với người làm chứng toàn bộ tài sản bị thiệt hại đã được kiểm tra đúng với thiệt hại thực tế và nội dung ghi nhận tại biên bản ngày 08/5/2019 và kết luận điều tra, do đó việc bị cáo cho rằng không hư hỏng ghi thành có hư hỏng là không có cơ sở. Việc có tẩy xóa, hay gạch xóa trong biên bản ngày 08/5/2019 cũng không làm thay đổi tính chất nội dung vụ án, bởi lẽ các tài liệu chứng cứ khác bao gồm cả bản tự khai, lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng cũng xác định thống nhất tài sản bị cáo gây thiệt hại, do đó biên bản ngày 08/5/2019 không phải là chứng cứ duy nhất để kết luận bị cáo có tội hay không. Tuy nhiên cũng cần lưu ý đối với Cơ quan Điều tra trong quá trình ghi biên bản cần tuân thủ quy định về soạn thảo văn bản, trường hợp có tẩy xóa, phải có xác nhận của người tham gia tố tụng tại thời điểm lập biên bản ký xác nhận. Việc bị cáo cho rằng cán bộ điều tra và điều tra viên đã mớm cung, dụ cung bị cáo nhưng bị cáo không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của bị cáo, do đó việc bị cáo yêu cầu xử lý đối với cán bộ điều tra trong quá trình lập hồ sơ làm sai lệch hồ sơ vụ án, dụ cung bị cáo là không có cơ sở. Các thủ tục tố tụng có sai sót, nhầm lẫn mà bị cáo và người bào chữa đã trình bày đã được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát sửa chữa, đính chính, mặc dù còn có sai sót nhưng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo cho rằng bản thân bị oan sai, nhà đất tại số 503 Quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có 50% là của bị cáo do bị cáo được mẹ ruột lập di chúc để lại tài sản, việc ông D là cha ruột bị cáo cho ông Lê Đình T thuê để kinh doanh dịch vụ mai táng không được sự đồng ý của bị cáo là bất hợp pháp nên việc bị cáo ném tài sản của ông T ra khỏi nhà là có lý do.

Hội đồng xét xử nhận định về quyền sở hữu tài sản nhà đất tại số 503 Quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5872/2008/GCN ngày 03/9/2008 do UBND quận Thủ Đức cấp vẫn mang tên ông Trần Văn D và bà Hồ Thị Th, đến nay vẫn chưa sang tên cập nhật biến động cho bị cáo.

Ngày 05/12/2014 ông D và bà Thoa có lập di chúc để lại toàn bộ nhà đất nêu trên cho bị cáo được quyền sở hữu. Ngày 28/12/2018 bà Thoa chết. Ngày 29/03/2019 ông D và ông Lê Đình T có ký hợp đồng thuê căn nhà số 503 quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ông D cho ông T thuê thời hạn 05 năm. Bị cáo không đồng ý cho ông D cho thuê nhà để kinh doanh trại hòm vì vậy, cùng ngày bị cáo đến nhà ông D và thực hiện hành vi ném tài sản của ông T ra khỏi căn nhà nêu trên. Sự việc do ông D cha

ruột bị cáo trình báo và bị cáo bị khởi tố về hành vi hủy hoại tài sản của anh Lê Đình T. Ngày 22/5/2019 ông Trần Văn D lập văn bản hủy bỏ di chúc tại Phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý vụ án “Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu” cụ thể là văn bản công chứng di chúc số 34833 do Phòng công chứng số 3 lập ngày 05/12/2014, đến nay chưa có kết quả giải quyết vụ án. Phần di chúc của ông D để lại tài sản cho bị cáo chưa được mở thừa kế, do ông D vẫn còn sống. Do đó ông D vẫn có quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông. Bị cáo cho rằng mình có quyền sở hữu 1/2 trị giá căn nhà số 503 Quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để biện minh cho hành vi hủy hoại tài sản của người khác của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định dù bị cáo có quyền sở hữu hay không thì bị cáo cũng không được quyền hủy hoại tài sản của người khác. Do đó việc bị cáo có hành vi ném tài sản của anh Tú ra khỏi nhà, không có sự đồng ý của ông D cũng như ông T là trái pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận có lỗi khi gây thiệt hại tài sản cho người khác, nhưng có yêu cầu xác định giá trị tài sản bị thiệt hại không đủ định lượng cấu thành tội phạm, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận định có đầy đủ cơ sở để xác định giá trị tài sản bị cáo gây thiệt hại đủ yếu tố cấu thành tội phạm: Bởi lẽ, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng, vật chứng, biên bản kiểm tra tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu thu thập được sau khi thực hiện trả hồ sơ điều tra bổ sung có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi cố ý hủy hoại tài sản của bị hại anh Lê Đình T. Tài sản bị hư hỏng, thiệt hại hoàn toàn không còn sử dụng được gồm có: 07 cây nến phục sinh bị bể, gãy; 01 bịch vải ren trắng bị bám bụi; 01 cuộn vải vàng bị bám bụi và rách; 01 cuộn vải đỏ bị bám bụi và rách; 01 bài vị gỗ bị gãy; 28 cây đèn cây số 4 bằng ly thủy tinh bị bể; 30 cây đèn cây số 5 bằng ly thủy tinh bị bể; 12 cây đèn cây số 40 bằng ly thủy tinh bị bể; 02 decal hình chúa bị bám bụi. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 1412/CVHĐĐGTSTTHS ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận tổng tài sản thiệt hại là 6.414.000 đồng. Trước khi thực hiện thủ tục định giá tài sản Cơ quan điều tra cũng đã tham khảo giá trị các tài sản bị thiệt hại tại cơ sở mai táng khác, giá trị tham khảo và giá trị định giá không chênh lệch nhiều. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Trần Hữu D đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định, trừng trị tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó lời bào chữa của bị cáo và người bào chữa là không có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội trên địa bàn dân cư. Vì vậy cần xử lý bị cáo với mức án nghiêm phù hợp với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[3] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không

lớn, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 8.000.000 đồng và tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về vật chứng vụ án: 07 cây nến phục sinh bị bể, gãy; 01 bịch vải ren trắng bị bám bụi; 01 cuộn vải vàng bị bám bụi và rách; 01 cuộn vải đỏ bị bám bụi và rách; 01 bài vị gỗ bị gãy; 28 cây đèn cây số 4 bằng ly thủy tinh bị bể; 30 cây đèn cây số 5 bằng ly thủy tinh bị bể; 12 cây đèn cây số 40 bằng ly thủy tinh bị bể; 02 decal hình chúa bị bám bụi. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bị hại, bị hại xác nhận đã nhận lại tài sản nhưng hư hỏng không sử dụng được toàn bộ nên đã bỏ đi. Người bào chữa cho bị cáo và bị cáo cho rằng việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức trả lại tài sản là vật chứng của vụ án cho bị hại là không đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định, từng giai đoạn tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng đều có thẩm quyền xử lý vật chứng, do đó việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức xử lý vật chứng là đúng thẩm quyền, tuy nhiên Cơ quan điều tra Công an quận Thủ Đức cần lưu ý xử lý vật chứng phù hợp hơn.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: bị cáo Trần Hữu D phạm tội “Hủy hoại tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hữu D 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Hữu D chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- Bị cáo; BH, NCOL, NVLQ
- VKS, CA, Chi cục THA Q.TĐ
- Chi cục thuế Q.TĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thị Thu Thảo